

Số: /KH-UBND

Tuy An Đông, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng cuối năm nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2026 đạt 11,4% trở lên

Thực hiện Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng cuối năm nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2026 đạt 10% trở lên.

Căn cứ Kế hoạch số 0114/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND xã về việc triển khai chi tiết kịch bản điều hành nền kinh tế 9 tháng cuối năm 2026 nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng đạt 11,4% trở lên trên địa bàn xã Tuy An Đông.

UBND xã ban hành Kế hoạch triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng cuối năm nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2026 đạt 11,4% trở lên trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã Tuy An Đông; chủ động xây dựng các kịch bản điều hành chi tiết nhằm hoàn thành và vượt các chỉ tiêu được giao. Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã đồng thời xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo từng tháng của 06 tháng cuối năm.

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; tăng cường trách nhiệm của các phòng, ban, Trưởng các thôn và đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Kịch bản điều hành phải bám sát tình hình thực tế, có tính khả thi, rõ mục tiêu, tiến độ, trách nhiệm thực hiện.

- Xác định tăng trưởng kinh tế là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên hàng đầu; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; tập trung tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực, phát huy tối đa các động lực tăng trưởng nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện hằng tháng; kịp thời điều chỉnh giải pháp khi có biến động về thời tiết, thị trường hoặc các yếu tố khách quan.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Thực hiện theo các phụ lục đính kèm, cụ thể:

- *Phụ lục I*: Kịch bản tăng trưởng theo tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn 06 tháng cuối năm;

- *Phụ lục II*: Kịch bản thực hiện 10 chỉ tiêu theo tháng, quý;

- *Phụ lục III*: Kịch bản chi tiết thực hiện chỉ tiêu số 6 (Năng lực mới tăng của các dự án, công trình hoàn thành, dự kiến hoàn thành).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Kịch bản điều hành theo quý

- Quý III: Với tổng giá trị sản phẩm dự kiến đạt 625,55 tỷ đồng (*Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 126,59 tỷ đồng; Công nghiệp – xây dựng 330,30 tỷ đồng; Dịch vụ - du lịch 168,66 tỷ đồng*). Tổng thu ngân sách trên địa xã: 3,286 tỷ đồng.

- Quý IV: Với tổng giá trị sản phẩm dự kiến đạt 511,81 tỷ đồng (*Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 103,57 tỷ đồng; Công nghiệp – xây dựng 270,25 tỷ đồng; Dịch vụ - du lịch 137,99 tỷ đồng*). Tổng thu ngân sách trên địa xã: 2,55 tỷ đồng.

2. Kịch bản Kịch bản điều hành theo tháng đối với 10 chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu 01 - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Phân đầu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 đạt 12,735 tỷ đồng; 06 tháng cuối năm cần thực hiện khoảng 5,85 tỷ đồng để hoàn thành chỉ tiêu. Tập trung rà soát, khai thác hiệu quả các nguồn thu còn dư địa, nhất là thu tiền sử dụng đất, thuế khu vực ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, tiền thuê đất và các khoản thu phát sinh; tăng cường quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện hàng tháng để kịp thời điều chỉnh các giải pháp điều hành, phân đầu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách năm 2026.

2.2. Chỉ tiêu 02 - Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn: Điều hành chi ngân sách nhà nước năm 2026 theo dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. 06 tháng cuối năm thực hiện 98,04 tỷ đồng để hoàn thành dự toán chi năm 2026. Tập trung điều hành chi theo khả năng cân đối ngân sách, ưu tiên bố trí kinh phí cho đầu tư phát triển, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ trọng tâm; đồng thời tăng cường kiểm soát chi, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công và thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bảo đảm hoàn thành dự toán chi ngân sách năm 2026.

2.3. Chỉ tiêu 03, 04 - Tiến độ gieo trồng và năng suất một số cây trồng chủ yếu: Phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2026, bảo đảm diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng các loại cây trồng chủ yếu theo kịch bản tăng trưởng. Trong

tháng 7 đến tháng 9 tập trung chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo đảm nguồn nước tưới và thu hoạch thắng lợi vụ Hè Thu; đồng thời triển khai sản xuất vụ Mùa theo đúng lịch thời vụ. Từ tháng 10 đến tháng 12 tập trung thu hoạch vụ Mùa, chuẩn bị đầy đủ giống, vật tư, thủy lợi và các điều kiện sản xuất vụ Đông Xuân 2026-2027; chủ động ứng phó thiên tai, dịch bệnh và diễn biến thời tiết bất lợi, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng theo kế hoạch.

2.4. Chỉ tiêu 05 - Tình hình chăn nuôi trên địa bàn: Phấn đấu duy trì ổn định quy mô đàn gia súc, gia cầm và sản lượng sản phẩm chăn nuôi theo kế hoạch năm 2026, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và bình ổn thị trường dịp cuối năm, Tết Nguyên đán 2027. Từ tháng 7 đến tháng 9 tập trung thực hiện công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, kiểm soát vận chuyển và giết mổ động vật; hướng dẫn người chăn nuôi tái đàn, phát triển chăn nuôi an toàn sinh học. Từ tháng 10 đến tháng 12 theo dõi chặt chẽ diễn biến dịch bệnh, bảo đảm nguồn cung thực phẩm phục vụ thị trường cuối năm; tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ và lưu thông sản phẩm chăn nuôi, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về quy mô đàn vật nuôi và sản lượng theo kịch bản năm 2026.

2.5. Chỉ tiêu 06 - Năng lực mới tăng của các dự án, công trình hoàn thành, dự kiến hoàn thành: Từ tháng 7 đến tháng 9 tập trung tháo gỡ khó khăn về bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu và giải ngân đối với các dự án trọng điểm; ưu tiên các công trình có khả năng hoàn thành khối lượng lớn trong quý III. Từ tháng 10 đến tháng 12 tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư tập trung nhân lực, thiết bị, vật tư để hoàn thành các hạng mục theo kế hoạch; đẩy nhanh nghiệm thu, thanh toán và đưa các công trình đủ điều kiện vào khai thác, sử dụng, bảo đảm hoàn thành giá trị năng lực mới tăng theo kịch bản.

2.6. Chỉ tiêu 07 - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu: trong 06 tháng cuối năm, duy trì ổn định hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tạo thêm năng lực sản xuất mới. Từ tháng 10 đến tháng 12 tiếp tục theo dõi hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tổng hợp tình hình thực hiện các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, phục vụ đánh giá kết quả thực hiện kịch bản tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu theo kịch bản năm 2026.

2.7. Chỉ tiêu 08 - Số lượng nhà ở xây mới: Từ tháng 7 đến tháng 9 tăng cường hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến hoạt động xây dựng; theo dõi tiến độ triển khai các dự án phát triển nhà ở và công trình nhà ở của người dân. Từ tháng 10 đến tháng 12 tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư, hộ gia đình đẩy nhanh

tiến độ xây dựng, hoàn thành các công trình theo kế hoạch; thường xuyên cập nhật, tổng hợp kết quả thực hiện, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2026.

2.8. Chỉ tiêu 09 - Số lượng khách lưu trú: Phân đầu đạt 5.475 lượt khách lưu trú trong năm 2026; 06 tháng cuối năm thu hút khoảng 3.220 lượt khách, góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực thương mại - dịch vụ. Từ tháng 7 đến tháng 9 triển khai đồng bộ các hoạt động thuộc Kế hoạch kích cầu du lịch quảng bá ngành Đá Đĩa, các sản phẩm OCOP và các hoạt động văn hóa mùa hè nhằm gia tăng lượng khách lưu trú. Từ tháng 10 đến tháng 12 tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến du lịch gắn với lễ hội truyền thống và các hoạt động cuối năm; phối hợp với các cơ sở lưu trú, doanh nghiệp du lịch nâng cao chất lượng dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách, phân đầu hoàn thành chỉ tiêu khách lưu trú năm 2026.

2.9. Chỉ tiêu 10 – Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản: Từ tháng 7 đến tháng 9 tổ chức triển khai kịp thời có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp góp phần nâng cao sản lượng đánh bắt đạt được mục tiêu phát triển và chế biến nông lâm thủy sản giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn. Khuyến khích ngư dân chuyển đổi từ đánh bắt ven bờ sang đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Công tác chỉ đạo chống khai thác IUU: Thường xuyên quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Xác định nhiệm vụ chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC là nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, cấp bách.

3. Cơ chế theo dõi và điều chỉnh kịch bản

- Việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện 10 chỉ tiêu chủ yếu tại các phụ lục, biểu mẫu kèm theo Kế hoạch. Các phòng chuyên môn định kỳ hàng tháng rà soát tiến độ thực hiện từng chỉ tiêu, chủ động dự báo khả năng hoàn thành và kịp thời tham mưu UBND xã điều chỉnh giải pháp đối với các chỉ tiêu đạt thấp hoặc có nguy cơ không đạt kế hoạch.

- Trường hợp phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất giải pháp tháo gỡ, đồng thời khai thác tối đa dư địa của các lĩnh vực còn khả năng tăng trưởng nhằm bù đắp phần thiếu hụt, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt từ 11,4% trở lên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu UBND xã triển khai, điều hành kịch bản tăng trưởng kinh tế 06 tháng cuối năm 2026 và từng tháng; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu điều chỉnh kịch bản khi cần thiết.

- Chủ trì tham mưu UBND xã khai thác hiệu quả các nguồn lực cho tăng trưởng, nhất là đất đai, đầu tư xây dựng và thu ngân sách; tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong theo dõi tiến độ dự án, đôn đốc thực hiện thu ngân sách theo tiến độ, nắm bắt tình hình tín dụng và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác

xã, hộ kinh doanh tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá và tham mưu điều hành các chỉ tiêu tăng trưởng thuộc các khu vực Nông - lâm - thủy sản; Tiểu thủ công nghiệp – xây dựng; Thương mại – dịch vụ.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu UBND xã triển khai các hoạt động kích cầu tiêu dùng, phát triển du lịch, dịch vụ gắn với văn hóa địa phương, kinh tế biển và chuyển đổi số; góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực dịch vụ.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá và tham mưu điều hành các chỉ tiêu tăng trưởng thuộc các ngành: dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động viễn thông, công nghệ thông tin; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật, thể thao và giải trí; hoạt động dịch vụ khác.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành chung; theo dõi, đôn đốc, điều phối tiến độ thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị; tổng hợp, tham mưu UBND xã xử lý các vấn đề phát sinh. Bảo đảm công tác hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; góp phần giữ vững ổn định xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

4. Trung tâm Phục vụ Hành chính công

Tiếp nhận, số hóa, theo dõi và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, bảo đảm đúng quy trình, đúng thời hạn. Chủ động theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND xã rà soát quy trình thủ tục hành chính; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, kinh doanh. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng, trước hạn.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông; tăng cường tuyên truyền về mục tiêu tăng trưởng “hai con số”. Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

6. Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã

Chủ động nắm chắc tình hình, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo môi trường ổn định cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Kịp thời phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dự án, giải phóng mặt bằng và hoạt động kinh tế trên địa bàn.

7. Trưởng các thôn

Phối hợp tổ chức triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng tại địa bàn; nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh, đời sống Nhân dân và hoạt động của các hộ kinh doanh trên địa bàn; tăng cường tuyên truyền, vận động chấp hành chủ trương, chính sách; chủ động rà soát, cung cấp thông tin thực tế, phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế xã Tuy An Đông 06 tháng cuối năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính tỉnh (b/c);
- Ban Chỉ đạo hai con số xã Tuy An Đông (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Ủy ban MTTQVN xã (p/h);
- CT, PCT UBND xã;
- Thuế cơ sở 10 (p/h);
- Thống kê cơ sở Tuy An Bắc (p/h);
- Các phòng; các trung tâm;
- Trưởng các thôn;
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Biên

PHỤ LỤC I
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG THEO TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN 06 THÁNG CUỐI NĂM
(Đính kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /7/2026 của UBND xã Tuy An Đông)

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2026									Ghi chú
					Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	ước TH quý III	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	ước TH quý IV	Cả năm	
I	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	2.196,05	1.058,69	218,94	206,43	200,18	625,55	179,13	168,90	163,78	511,81	2.196,05	
1	Nông - Lâm - Thủy sản	tỷ đồng	490,55	260,39	44,31	41,77	40,51	126,59	36,25	34,18	33,14	103,57	490,55	
2	Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng	tỷ đồng	1.116,95	516,4	115,61	109,00	105,70	330,30	94,59	89,18	86,48	270,25	1.116,95	
3	Thương mại - dịch vụ - du lịch	tỷ đồng	588,55	281,9	59,03	55,66	53,97	168,66	48,30	45,54	44,16	137,99	588,55	
II	Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã	tỷ đồng	12,735	6,889	1,09	1,094	1,098	3,286	0,85	0,85	0,85	2,55	12,735	

PHỤ LỤC II
KỊCH BẢN THỰC HIỆN 10 CHỈ TIÊU THEO THÁNG, QUÝ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2026
(Đính kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /7/2026 của UBND xã Tuy An Đông)

[illegible]

-	Diện tích gieo trồng	Ha	3	3									3	
3.5	Rau các loại													
-	Diện tích gieo trồng	Ha	115	118	148,00	173,00	183,00				215,00	215,00	215	
3.6	Cây đậu các loại													
-	Diện tích gieo trồng	Ha	135	135		280,00							280	
4	Ước tính năng suất các loại cây trồng chủ yếu trên địa bàn xã, phường													
4.1	Cây lúa	Ha												
	- Lúa đông xuân	Tấn/Ha		5.366,2									5.366,2	
	-Lúa hè thu	Tấn/Ha		-		4713							4713	
	- Lúa mùa	Tấn/Ha		-						340			340	
4.2	Cây hàng năm khác													
	- Ngô	Tấn/Ha		469,2			855,9						855,9	
	- Mía	Tấn/Ha		150,0									150,0	
	- Sắn	Tấn/Ha		16,0									16,0	
	- Rau các loại	Tấn/Ha		2.336,4			4257						4.257,0	
	- Đậu các loại	Tấn/Ha		313,2			649,6						649,6	
	- Cây Dưa hấu	Tấn/Ha		15,0									15,0	
5	Số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn xã													
	Lợn	Con	1.134	1.130			1.160,00				1.180		1.180	

	Bò	Con	2.958	2.216			2.750,00				2.958		2.958	
	Gia cầm	Con	79.110	75.600			78.750,00				79.110		79.110	
6	Năng lực mới tăng của các dự án, công trình hoàn thành, dự kiến hoàn thành													
7	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên địa bàn													
7,1	Sản xuất nước tinh khiết	1000 lít		1,400	225	240	225	690	225	225	210	660	2,750	
7,2	Sản xuất trang phục	1000 cái		32	5	6	6	16	6	6	7	19	67	
7,3	Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thủy sản	Tấn		240	40	44	40	124	32	20	40	92	456	
7,4	Xây xát	triệu đồng		100	90	95	90	275	90	95	85	270	645	
8	Số lượng nhà xây mới trên địa bàn	Cái		101	24	30	25	79	20	5	10	35	215	
9	Số lượng khách lưu trú trên địa bàn xã	Người		2,260	811	797	663	2,271	425	283	236	944	5,475	
10	Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản													
-	Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản	Tấn	510,00	365,7	497,80	503,80	510,00						510	
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	1.446,00	984	1134,00	1.289,00	1.446,00						1446	

PHỤ LỤC III
CHI TIẾT THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SỐ 6

(năng lực mới tăng của các dự án, công trình hoàn thành, dự kiến hoàn thành)

(Đính kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /7/2026 của UBND xã Tuy An Đông)

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện
I	Các dự án do ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía đông tỉnh (ban c) dự kiến hoàn thành giai đoạn 2026-2030	1.762		
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía Bắc cầu An Hải	659	NSTW, NST	Dự kiến hoàn thành cuối năm 2026
2	Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Đắc Lắc, đoạn kết nối xã Xuân Đài – xã Tuy An Đông	938	NSTW, NST	2026-2030
3	Khắc phục, sửa chữa đê ngăn mặn Ngự Hàm Thủy, đê Thành cũ	33	NSTW, NST	2026-2027
4	Khắc phục, sửa chữa đập dâng Tam Giang	132	NSTW, NST	2026-202027
5	Các khu TĐC phục vụ Dự án: Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Đắc Lắc, đoạn từ kết nối xã Xuân Đài – xã Tuy An Đông			Đang triển khai kiểm đếm đền bù
II	Các dự án do ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tuy an dự kiến hoàn thành giai đoạn 2026-2030	150,72		
1	Khu dân cư dọc đường ĐT.649 và đường liên thôn từ cây xăng đến khu dân cư Phú Sơn, xã An Ninh Đông	111,98	NST	2026-2028
2	Năng cấp mở rộng tuyến đường ĐH.31	32,2	NST	2026-2027
3	Đầu tư xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với phòng tránh lũ ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh	6,54	NST	

4	Các khu TĐC phục vụ Dự án: Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa phận xã Tuy An Đông			Đang triển khai hoàn thiện lập quy hoạch
---	--	--	--	--

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐỊA PHƯƠNG ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

TT	Công Trình	Kinh Phí		Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn		
I	Danh mục các dự án (dự kiến) sử dụng vốn đầu tư công 2026	15.669			
1	Xây dựng nhà làm việc trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tuy An Đông	1.650	NSX	2026-2028	
2	Xây dựng các điểm công viên thôn Tiên Châu (Chợ Thủy cũ và gần chùa Phật Thánh)	600	NSX	2026-2028	
3	Mở rộng khu công viên xã tuy an đông (hình thành khu kinh tế đêm)	2.200	NSX	2026-2028	
4	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Diêm Điền và thôn Xuân Phú, xã Tuy An Đông	1.630	NSX	2026-2028	
5	Xây dựng mương thoát nước chống ngập úng khu dân cư Bình Thạnh	1.700	NSX	2026-2028	
6	Xây dựng mở rộng đảm bảo giao thông tại các nút giao thôn Hà Yên, thôn Phú Hội, thôn Diêm Điền, xã Tuy An Đông	1.251	NSX	2026-2028	
7	Cải tạo khu công viên “Ao cá Béc Hồ” thôn Diêm Điền	1.500	NSX	2026-2028	
8	Hạ tầng kỹ thuật khép kín khu dân cư nông thôn khu Hoà Hậu; Hội Tín; Bình Thạnh; Vạn Cui; Xóm Giã; Hà Yên; Xóm Cát	720	NSX	2026-2028	
9	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đoạn thôn Tiên Châu đi thôn Bình Thạnh	1.533	NSX	2026-2028	

10	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đoạn thôn Phú Sơn	1.400	NSX	2026-2028	
11	Sửa chữa, cải tạo cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học An Ninh Đông số 1	1.485	NSX	2026-2028	
II	QĐ 1844/QĐ-UBND ngày 14/6/2026 Về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả, phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 02/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ	3.700			
1	Khắc phục mái taluy và nền đường tại tuyến giao thông đường ĐH.31	1.700	NST	2026	
2	khắc phục mố cầu Lò Gốm	1.000	NST	2026	
3	khắc phục tình trạng chống ngập úng đoạn tuyến đường đi cảng cá thôn Tiên Châu	1.000	NST	2026	
III	QĐ 2347/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 UBND Tỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2026 cho các địa phương từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ, dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh	5.000			
1	Xây dựng, sửa chữa Trường tiểu học An Ninh Tây	1.000	NST	2026	
2	Gia cố lè, mở rộng tuyến đường Hội Phú đoạn từ tràn Sơn Chà đến giáp ĐX.31	2.000	NST	2026	
3	BTXM đường giao thông đoạn đường BT thôn Tiên Châu đến điểm Trường mầm non Tiên Châu và khu dân cư Đồng Thủy	1.000	NST	2026	
4	Mở rộng đờng GTNT đoạn từ đường bê tông đến giáp nhà bà Cát xóm An Vũ, xã Tuy An Đông	1.000	NST	2026	
	Tổng cộng các nguồn vốn	24.369	-		